

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **272/2024/DS-ST**

Ngày: 02-12-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;

Bà Vương Thị Khánh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 646/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1929/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Vạn N**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1991;

Địa chỉ liên hệ: 4 N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Lê Thanh D**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 1, hẻm C, đường C, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Vạn N và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M bày:

Ngày 25/4/2024, ông Lê Thanh D có vay của ông Đỗ Vạn N số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng), việc vay tiền có lập Giấy cam kết. Theo Giấy cam kết, ông D cam kết đúng ngày 10/5/2024 sẽ hoàn trả lại đủ số tiền trên. Nếu không hoàn trả đủ ông D chịu trách nhiệm từ phía ông N xử lý, việc vay này không có lãi suất.

Đến ngày 12/5/2024, ông D trả cho ông N số tiền là 10.000.000 đồng, ông D còn nợ ông N số tiền là 54.000.000 đồng. Do đã trễ hạn thanh toán tiền vay quá lâu như thỏa thuận theo Giấy cam kết khi vay tiền nên ông N đã nhiều lần gặp trực tiếp cũng như gọi điện thoại yêu cầu ông D trả tiền. Ban đầu ông D hứa trả tiền cho ông N, nhưng hết lần này sang lần khác mà vẫn không thực hiện. Sau đó, khi ông N yêu cầu thì ông D né tránh và không chịu trả tiền vay cho ông N.

Nay nguyên đơn ông Đỗ Vạn N, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông Lê Thanh D trả lại số tiền nợ gốc đã vay cho ông N, với số tiền gốc còn nợ là 54.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu đồng).

- Buộc ông Lê Thanh D phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả cho ông N theo lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày 10/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 10/6/2024 là $54.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ tháng} = 675.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Tổng số tiền ông N yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Thanh D phải trả cho ông N số tiền là 54.675.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Lê Thanh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:

* *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

* *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Hồ sơ vụ án thể hiện ông Lê Thanh D có vay tiền của ông Đỗ Vạn N số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng), việc vay tiền có lập Giấy cam kết. Theo Giấy cam kết, ông D cam kết đúng ngày 10/5/2024 sẽ hoàn trả lại đủ số tiền trên. Nếu không hoàn trả đủ ông D chịu trách nhiệm từ phía ông N xử lý, việc vay này không có lãi suất.

Đến ngày 12/5/2024, ông D trả cho ông N số tiền là 10.000.000 đồng, ông D còn nợ ông N số tiền là 54.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lê Thanh D biết nhưng ông D vắng mặt không có lý do; Ông D cũng không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu khởi kiện ông N nên được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Thanh D phải trả cho nguyên đơn ông Đỗ Vạn N tổng

số tiền gốc đã vay là 54.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 11/5/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo phiếu trả lời kết quả xác minh ngày 21/8/2024 của Công an phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện, bị đơn ông Lê Thanh D có đăng ký thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ 163/140, hẻm C, đường C, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Thanh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo Giấy cam kết ngày 25/4/2024. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông Đỗ Vạn N yêu cầu ông Lê Thanh D phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 54.000.000 đồng, và buộc ông Lê Thanh D phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả cho ông N theo lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày 10/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4.1] Đối với nội dung yêu cầu trả tiền gốc:

Vào ngày 25/4/2024 ông Lê Thanh D có vay tiền của ông Đỗ Vạn N số tiền 64.000.000 đồng, ông D có lập Giấy cam kết đúng ngày 10/5/2024 sẽ trả nợ đủ cho ông N, việc vay mượn không có thỏa thuận về lãi suất. Ông N xác định, sau khi viết giấy cam kết, ngày 12/5/2024 ông D đã trả cho ông N số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và còn nợ ông N số tiền là 54.000.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông Lê Thanh D nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy xem như ông D đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông N làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N, vì vậy việc ông N yêu cầu ông D có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền gốc đã vay còn lại là 54.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn.

Theo giấy cam kết ngày 25/4/2024, hai bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/1 năm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015,

“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*” Như vậy nguyên đơn ông Đỗ Văn N yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh D phải trả cho ông tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 10/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $54.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 1 \text{ năm} \times (06 \text{ tháng} 22 \text{ ngày}) = 2.926.800 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 56.926.800 đồng (54.000.000 đồng + 2.926.800 đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.846.340 đồng (56.926.800 đồng x 5%).

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.366.875 đồng theo biên lai thu số 0004233 ngày 14/6/2024.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Vạn N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Lê Thanh D .

Buộc ông Lê Thanh D phải thanh toán cho ông Đỗ Vạn N số tiền 56.926.800 đồng (năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm đồng).

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Thanh D phải chịu 2.846.340 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đỗ Vạn N số tiền 1.366.875 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004233 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị N1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

